

# ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CHO MÔ HÌNH ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH CÓ ĐÀO TẠO NGHỀ SONG SONG

*Trần Thu Hà  
Nguyễn Minh Khoa*

## ABSTRACT

*Interdisciplinary and Articulation training are one of direction for development in Vietnam nowadays, in order to made a chance for learner and to develop human resource with high occupational skill to satisfy for socioeconomic needs.*

*Aim at objective to have a good satisfying to give necessary requirements for development the economy in Ho Chi Minh city and Vietnam today, as Human source with high occupational skill, to bring articulation of curriculums are essential. This programs to made a chance for learner have adapted oneself to modern technology. To couple vocation and interdisciplinary training will get “professional skill of engineer”interdisciplinary to satisfy for company needing. All of them are contribute a fair competition for society.*

*In there, to couple vocation and interdisciplinary training today, are fresh heading in Vietnam, at present some universities to perform this model which has the advantage, but they are show shortcomings in practice.*

*Authors want to share some of experience and to put for forward solution to perfect this training model in order to introduce and to receive feedback for contruction “To couple vocation and interdisciplinary training”model to satisfy for development of industry.*

## TÓM TẮT

*Đào tạo liên ngành và liên thông là một trong những hướng phát triển hiện nay của Việt Nam để tạo cơ hội cho người học và tạo nguồn nhân lực với kỹ năng nghề nghiệp trình độ cao đáp ứng nhu cầu xã hội.*

*Nhằm mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế đang phát triển hiện nay tại TPHCM và Việt Nam, về nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cao thì sự ra đời của các chương trình đào tạo liên ngành là thiết yếu, tạo cơ hội cho người học tính thích ứng với công nghệ hiện đại. Đào tạo nghề song song với đào tạo liên ngành tạo nguồn nhân lực “kỹ sư tay nghề” liên ngành đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, sẽ góp phần lớn vào sự cạnh tranh phát triển của xã hội.*

*Trong đó việc đào tạo liên ngành có gắn kết với đào tạo nghề song song là một hướng đi còn mới mẻ, hiện nay chỉ một vài trường thực hiện. Mô hình đào tạo này có nhiều ưu điểm, nhưng bên cạnh cũng còn bộc lộ vài thiếu sót trong quá trình thực hiện.*

*Các tác giả mong muốn chia sẻ những kinh nghiệm và đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình đào tạo này nhằm giới thiệu và mong nhận ý kiến xây dựng mô hình đào tạo liên ngành có gắn kết với đào tạo nghề song song góp phần tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp.*

## I. ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI VIỆT NAM VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Theo như Unesco đào tạo nghề và đào tạo “là tất cả hình thức và cấp độ trong quá trình học tập, bên cạnh kiến thức chung bao gồm việc học công nghệ và các môn khoa học có liên quan, sự lãnh hội các kỹ năng thực hành, bí quyết, quan điểm và sự hiểu biết về các ngành nghề trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội”.

Giáo dục và đào tạo nghề quan trọng đối với các ngành công nghiệp và kinh doanh, ở khắp nơi trên thế giới đều thừa nhận rằng chìa khóa cho thành công nằm ở kỹ năng của công nhân lao động và kỹ sư thực hành.

Trên thế giới ở Anh, Mỹ những quyết định về kỹ năng không thể giữ riêng trong tay đội ngũ giáo viên đào tạo mà đòi hỏi sự cập nhật kiến thức trên quan điểm mang tính máy móc sang một hệ thống trong đó các nhà tuyển dụng và người lao động quyết định việc phát triển kỹ năng. Nội dung chương trình phải phù hợp - mềm dẻo đáp ứng tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật.

Chiến lược quốc gia của các nước tiên tiến trên thế giới về đào tạo nghề nhằm thiết lập cơ cấu khung và kế hoạch thực thi đáp ứng nhu cầu về kỹ năng cho nền kinh tế, bao gồm việc phát triển các cấp độ đào tạo nghề và chương trình đào tạo. Các chiến lược này đã thu hút các nhà sử dụng lao động tham gia vào mọi góc độ của phát triển kỹ năng và đảm bảo một hướng nhất quán và có hệ thống khi hoạch định với các chính sách về giáo dục và đào tạo nghề. “Với các nước có nền công nghiệp phát triển cao như Anh, Mỹ, Nhật chính phủ đã đề ra chiến lược về kỹ năng”[2], với chiến lược này giúp cho các doanh nghiệp đạt được năng suất cao, sự sáng tạo, lợi nhuận cần thiết để có cạnh tranh. Việc duy trì được một nền kinh tế có năng suất và có sức cạnh tranh cao nhằm đem lại sự thịnh vượng cho tất cả mọi người đòi hỏi ngày càng có thêm nhiều người có kỹ năng và trình độ. Mục đích của “chiến lược về kỹ năng” bảo đảm rằng những người sử dụng

lao động có được các kỹ năng phù hợp để hỗ trợ cho sự thành đạt của doanh nghiệp của mình, còn các cá nhân thì có các kỹ năng cần thiết để có được việc làm và đạt được các mục tiêu của riêng mình.

Để thực hiện mục đích các nước tiên tiến hành động trong các lĩnh vực sau:

+ Coi các nhu cầu về kỹ năng của đơn vị, doanh nghiệp, người sử dụng lao động là trọng tâm chính cần ưu tiên, để từ đó quản lý việc cung cấp các hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng và trình độ nhằm vào việc đáp ứng trực tiếp các nhu cầu đó.

+ Cần khuyến khích con người trở lại việc học hành sau khi rời ghế nhà trường. Coi việc học thêm kỹ năng tại nơi làm việc mới với sự ham thích, cần phải trở thành một phần cao quý trong cuộc sống của mỗi con người.

+ Các cơ sở đào tạo (cao đẳng, dạy nghề) phải đáp ứng tốt hơn với các nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động và của người học đến được doanh nghiệp và cung cấp việc đào tạo theo cách thức phù hợp nhất.

Tại Việt Nam từng bước Bộ Giáo dục & Đào tạo đã chuẩn hóa khung chương trình đào tạo theo hai hướng: (1) Hướng hướng nghiệp và (2) Hướng hàn lâm.

Tại Thành Phố Hồ Chí Minh mạng lưới đào tạo nghề phát triển khi các khu công nghiệp phía Nam tăng nhanh với lượng đầu tư lớn của các tập đoàn quốc tế. Trên 220 cơ sở dạy nghề ngắn hạn, 45 trường Cao đẳng nghề, Trung học chuyên nghiệp có dạy nghề phân bố khắp 24 quận, huyện và đào tạo hàng năm khoảng 30.000 công nhân kỹ thuật và trên 320.000 học viên ngắn hạn.

Thành phố đã có những khuyến khích đầu tư cho việc phát triển đào tạo nghề như tăng cường đầu tư, tạo điều kiện để các tổng công ty tham gia dạy nghề nhằm khai thác khả năng về vốn, nhân lực kỹ thuật, thông tin, công nghệ, chuyên môn và thiết bị cho đào tạo.

Một số trường đã thực hiện nội dung đào tạo không chỉ liên thông mà còn liên ngành để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực hiểu biết trong công nghệ mới như Cơ điện tử, Điện lạnh, Cơ tin, Điện tử Tin học, Y sinh, Hóa sinh, GIS (đồ họa thông tin), ...

Với định hướng phát triển của TPHCM – Trung tâm kinh tế lớn của cả nước: Phát triển dạy nghề gắn với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và định hướng phát triển của thành phố và khu vực phía Nam Việt Nam, tiếp tục mở rộng ngành nghề và đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, nâng cao khả năng phục vụ cộng đồng.

Thực hiện được đúng định hướng đó của thành phố, hiện nay đa số các trường công lập tại Việt Nam đang đi theo hướng đào tạo đa ngành, theo từng chuyên ngành độc lập, trong đó khi đề cập đến mô hình đào tạo liên ngành (dành cho những chuyên ngành gần nhau về tính khoa học, chuyên môn, đặc thù nghề nghiệp...) đã có một số trường đang thực hiện thay đổi cải tiến nội dung đào tạo, đối với riêng ngành Điện và Lạnh là một liên ngành rất phù hợp cho nhu cầu thực tế sử dụng lao động khoa học kỹ thuật có trình độ kỹ sư thì hiện nay lại càng khan hiếm. Đơn cử một số đơn ngành đang được đào tạo ở một vài trường như: ngành Điện (Trường Đại học Bách Khoa TPHCM, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM, ...) hay Công nghệ nhiệt (Trường Đại học Bách Khoa TPHCM, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM), Công nghệ lạnh (Trường Đại học Bách Khoa TPHCM, Trường Đại học Thủy sản Nha Trang, Trường Đại học Công nghiệp TPHCM), ...

Đào tạo liên ngành và liên thông là một trong những hướng phát triển hiện nay của Việt Nam để tạo cơ hội cho người học và tạo nguồn nhân lực với kỹ năng nghề nghiệp trình độ cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

## II. TÍNH ĐA DẠNG VÀ MỀM DẸO TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Yếu tố đa dạng và mềm dẻo trong chương trình đào tạo sẽ giúp cho người học dễ dàng thích nghi với sự thay đổi nghề nghiệp của xã hội, trong khi đó hiện nay đội ngũ lao động kỹ thuật đào tạo liên ngành được đánh giá là đáp ứng khá tốt nhu cầu thực tiễn lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trường đại học dân lập Văn Lang là trường dân lập đầu tiên đào tạo liên ngành có kết hợp đào tạo nghề song song: Chương trình đào tạo đại học liên ngành Điện - Lạnh được Khoa Điện - Lạnh xây dựng với thời lượng đào tạo 4 năm, hiện nay chưa có trường đại học nào tại Việt Nam thực hiện việc đào tạo liên ngành Điện - Lạnh. Do có tính độc đáo, mới, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, có gắn kết với đào tạo tay nghề 3/7. Khoa Điện - Lạnh với những điểm mạnh như thế đã được đánh giá là thế mạnh để thu hút nhiều sinh viên và đủ đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật có chất lượng cho TPHCM và cho xã hội hiện nay.

Những sinh viên được đào tạo ngành điện, ngành lạnh riêng biệt, sau khi ra trường vào thực tế gặp nhiều khó khăn trong những công việc thiết kế, thi công một công trình lạnh công nghiệp; dân dụng; điều hòa không khí.

Trong công việc thiết kế, giám sát thi công một công trình lạnh luôn đòi hỏi bao giờ cũng có kiến thức hệ thống liên ngành, có chuyên môn về cơ, điện, tự động hóa, điều khiển và kỹ thuật lạnh. Hiện nay qui mô công trình có công suất tầm trung bình và lớn rất phổ biến, thường một công trình có công suất tầm trung bình đến lớn thì chỉ cần 1 đến 2 kỹ sư để lo chu tròn từ khâu thiết kế đến giám sát thi công những nội dung trên của công trình, qua thực tế phản hồi từ các nơi sử dụng lao động do Khoa Điện - Lạnh đào tạo (được đào tạo liên ngành có gắn kết với đào tạo tay nghề) rất phù hợp cho nhu cầu sử dụng kỹ sư đa năng, làm gia

tăng hiệu quả sử dụng lao động và làm lợi về mặt kinh tế cho nhà tuyển dụng.

Nhưng bên cạnh đó, vì thời gian ngắn nhà trường không thể trang bị nhiều kiến thức chuyên sâu (hàn lâm) cho 2 chuyên ngành, dẫn đến một số hạn chế cho người học và nơi đào tạo, không trang bị đủ kiến thức khá lớn về hai lĩnh vực chuyên ngành này một cách thật đầy đủ nên sinh viên mới ra trường sẽ có hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm thực tế, nghiên cứu về chuyên sâu sau này. Khoa Điện - Lạnh đã thấy được mặt yếu này nên sau nhiều năm cải tiến và thử nghiệm chương trình mới, trong đó đã kịp thời bổ sung khá nhiều về thời lượng và nội dung có liên quan đến tăng cường kỹ năng thực hành và trang bị kỹ năng tay nghề (thông qua kinh nghiệm và học tập từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới hiện đang phổ biến mô hình đào tạo liên ngành) tạo khả năng thích ứng với nhu cầu tuyển dụng và chuyển đổi nghề nghiệp thực tế của các sinh viên sau khi ra trường, do vậy số sinh viên ra trường làm đúng ngành nghề của Khoa Điện - Lạnh đào tạo chiếm tỷ lệ rất cao 80%.

Để lập chương trình đào tạo liên ngành trường đã:

+ Xây dựng nội dung đào tạo.

+ Tìm hiểu nhu cầu của doanh nghiệp để bổ sung vào chương trình đào tạo nghề 3/7 song song cùng một thời gian đào tạo đại học 4 năm.

+ Cải tiến chương trình đào tạo.

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHƯA CẢI TIẾN VÀ ĐÃ CẢI TIẾN

#### 1. CTĐT ĐH chưa cải tiến

Chương trình đào tạo được thực hiện theo từng học kỳ, tương đương 4 năm gồm 2 giai đoạn.

Nội dung chương trình như sau:

• Khối lượng môn học đại cương: 41%

• Khối lượng các môn học cơ sở phục vụ cho chuyên ngành: 19%

• Khối lượng các môn học chuyên ngành: 40%, có 3 chuyên đề: Điện (10,2%), Điện lạnh công nghệ (phần cứng và phần mềm: 20%), Điều hòa Không khí và Điện tử (9%).

#### Như vậy:

Việc phân phối khối lượng các môn học đại cương, cơ sở và điều tiết chưa hợp lý, khối lượng các môn học đại cương và cơ sở phục vụ cho chuyên ngành chiếm tới 60,8% khối lượng chung của chương trình, do khối lượng còn lại dành cho các chuyên ngành thì quá ít, như vậy chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhiều quá dẫn đến kiến thức chuyên ngành thì lại thiếu, không tập trung sâu vào hai chuyên ngành Điện và Lạnh mà còn mở rộng sang chuyên ngành hóa thực phẩm đây là chuyên ngành nghiên cứu về phần mềm (chế biến và bảo quản các sản phẩm đông lạnh), chuyên ngành Điện - Điện tử, khả năng giúp cho sinh viên thích ứng với việc chuyển đổi ngành nghề không còn phù hợp nữa vì khối lượng nội dung chương trình chuyên ngành chưa đủ để chuyển đổi.

#### 2. Chương trình đào tạo đã cải tiến

• Khối lượng các môn học cơ sở phục vụ cho chuyên ngành: 21%, tăng 2% so với 19% của chương trình cũ.

• Khối lượng các môn học chuyên ngành: 40%, có 3 chuyên đề: Điện (10,2%), Điện lạnh công nghệ (phần cứng: 20%), Điều hòa không khí (9%)

#### Như vậy:

Chương trình đào tạo trên được cải tiến thông qua thực tế khảo sát và thống kê phân tích đánh giá của các đối tượng được điều tra là sinh viên tốt nghiệp, sinh viên học năm cuối, giáo viên, nhà sử dụng lao động [TL: 7] và tham khảo ý kiến của các chuyên gia lâu năm trong ngành. Như vậy sau khi điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Điện - Lạnh có cắt bớt một số môn không phù hợp theo hướng tập trung xoáy sâu vào chuyên

ngành Điện - Lạnh chỉ đi theo hướng công nghệ (phần cứng), gia tăng lên khối lượng cho một số môn cơ sở cần thiết và tập trung hầu hết nội dung chương trình gia tăng vào chuyên ngành để nâng cao kiến thức, thêm vào các môn thực hành chuyên ngành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên và các môn học đều được chỉnh sửa đề cương chi tiết.

Trong quá trình đào tạo song song hệ đào tạo đại học, Khoa Điện - Lạnh còn tổ chức đào tạo nghề Điện Lạnh bậc 3/7 áp dụng cho sinh viên trong khoa (đối với sinh viên từ năm thứ 3 đến năm 4). Đối với chương trình đào tạo nghề bậc 3/7 có thời lượng học ngắn (từ 4 đến 6 tháng) nên Khoa Điện Lạnh mạnh dạn đưa chương trình đào tạo nghề 3/7 vào áp dụng song hành với chương trình đại học ngành Điện - Lạnh, trong chương trình đào tạo nghề 3/7 có một số môn đại cương, môn cơ sở và chuyên ngành tương đương với một số môn trong chương trình đào tạo đại học mà Khoa Điện - Lạnh đang áp dụng, bằng sự linh động trong việc quản lý đào tạo, lên thời khóa biểu cho người học và như vậy khi áp dụng, ưu điểm sẽ tận dụng các môn mà sinh viên đã học trên hệ đại học, không phải đào tạo lại giúp cho chương trình đào tạo nghề 3/7 của khoa được gọn nhẹ và rút ngắn được thời gian, kinh phí của người học và nơi đào tạo. Nhằm tập trung bổ sung nhiều những kỹ năng thực hành nghề mà sinh viên đại học đang yếu. Kết quả sau thời gian tham gia học tại Khoa Điện - Lạnh sinh viên lấy được hai bằng: bằng đại học(4 năm) và bằng nghề 3/7(thời gian học chỉ khoảng từ 4 - 6 tháng).

Kết quả cao nhất không phải là 2 tấm bằng tốt nghiệp, mà cao nhất đó là sau khi ra trường hầu như sinh viên trong khoa được trang bị kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành đạt được những yêu cầu thực tế đòi hỏi, nên khả năng thích ứng nghề nghiệp của người được đào tạo

sẽ rất cao. Hiện nay Việt Nam đào tạo nhiều kỹ sư mang tính hàn lâm (biết lý thuyết mà không làm được thực hành). Mô hình đào tạo của khoa đang đi theo hướng đào tạo mà tổ chức UNESCO đề ra là học để làm, đây là mô hình đang rất phù hợp trong giáo dục và đào tạo hiện nay trên thế giới.

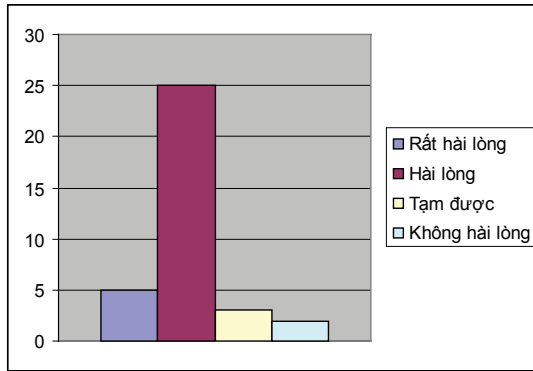
#### IV. HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH

Khoa Điện - Lạnh qua thời gian 12 năm đào tạo (1995-2006), khoa đã xây dựng mô hình đào tạo liên ngành có kết hợp với đào tạo tay nghề 3/7 cho tất cả sinh viên chính khóa đang theo học tại khoa bắt đầu từ năm 2000 – 2006.

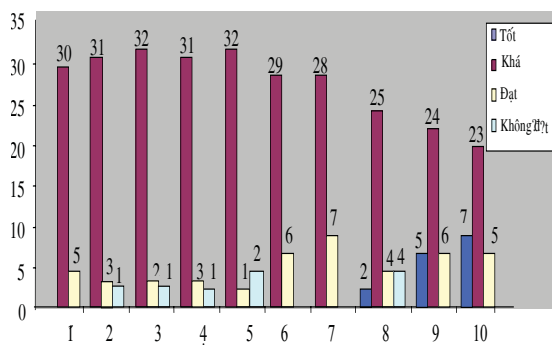
Qua thực tế thành công bước đầu ở Khoa Điện - Lạnh, đồng tác giả đã vận dụng kinh nghiệm tham gia thực tiễn công tác đào tạo và quản lý ở khoa, đã đúc kết và hệ thống lại mô hình đào tạo này. Giới thiệu, phổ biến kết quả đã đạt được và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp phản hồi để đồng tác giả làm tham chiếu, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mô hình. Nếu thực hiện tốt sẽ đóng góp thêm một mô hình đào tạo mới có hiệu quả cho công tác đào tạo hiện nay và trong tương lai.

Dưới đây là một số thống kê và phân tích minh chứng mức độ hiệu quả đào tạo của mô hình, sau khi áp dụng chương trình đào tạo đã cải tiến vào thực tế đào tạo và được 35 cơ quan có sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành Điện - Lạnh của Khoa Điện - Lạnh [7] đưa ra nhận định thông qua phiếu điều tra tại các cơ quan quản lý và sử dụng lao động đa số hoạt động ở lãnh vực sản xuất kinh doanh với 32 cơ quan chiếm 92%, còn lại là các lãnh vực khác như Kỹ thuật nghiệp vụ chiếm 8%.

+ Đánh giá chung của các cơ quan quản lý và sử dụng lao động đối với việc sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành Điện - Lạnh(hình 1).



**Hình 1: Thống kê đánh giá mức độ hài lòng của cơ quan sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điện-Lạnh**



**Hình 2: Thống kê đánh giá của CQQL và SDLD về mức độ đáp ứng của SVTN ngành Điện Lạnh**

Mức độ hài lòng của cơ quan quản lý và sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điện - Lạnh: rất hài lòng chiếm 14%, hài lòng chiếm 71%, tạm được chiếm 9%, không hài lòng chiếm 6%.

+ Người được đào tạo:

Sự hài lòng của sinh viên đối với quá trình đào tạo: rất hài lòng chiếm 35%, hài lòng chiếm 55% và không hài lòng chiếm 10%.

+ Mức độ đáp ứng của các kỹ sư ngành Điện - Lạnh tại trường Đại học Dân lập Văn Lang (hình 2). Theo bảng thống kê mức độ đánh giá của cơ quan sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điện - Lạnh là khá, như vậy là hiệu quả đào tạo có cải thiện hơn nhiều so với quá trình đào tạo của Khoa Điện - Lạnh trước đây khi chưa áp dụng mô hình đào tạo này.

## V. KẾT LUẬN

Đào tạo nghề là nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế đang phát triển hiện nay tại TPHCM. Để đáp ứng những nhu cầu về nguồn nhân

lực có trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cao thì sự ra đời của các chương trình đào tạo liên ngành là thiết yếu tạo cơ hội cho người học tính thích ứng với công nghệ hiện đại. Đào tạo nghề song song với đào tạo liên ngành tạo nguồn nhân lực “kỹ sư tay nghề” liên ngành đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp sẽ góp phần lớn vào sự cạnh tranh phát triển của xã hội. Mục tiêu của chương trình đào tạo cần gắn liền thực tế với doanh nghiệp và phải có tính mềm dẻo cao – có thể cải tiến nội dung chương trình đào tạo và cập nhật kiến thức và nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động thường kỳ hàng năm.

Đề xuất các giải pháp để thực hiện mục tiêu trong việc xây dựng mô hình đào tạo liên ngành và song song với đào tạo nghề:

+ Thay đổi mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo:

1. Xây dựng chương trình khung hoàn chỉnh, theo đúng yêu cầu của Bộ và trong đó chú trọng đến tiếp nhận sự phản hồi của các nơi sử dụng lao động và ngay cả người học để kịp thời hiệu chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp giữa đào tạo với nhu cầu thực tế sản xuất.

2. Nội dung đào tạo phải có số giờ thực tập cao theo như khối ngành công nghệ là 27 ĐVHT dành cho thực tập để nâng cao kiến thức thực hành của sinh viên.

3. Song song với chương trình đào tạo chính quy cần có chương trình đào tạo nghề ngoài thời gian học cung cấp kiến thức cơ bản hành nghề như 1 công nhân kỹ thuật.

4. Nội dung đào tạo chính quy thường có những môn học chuyên đề về công nghệ, cải tiến kỹ thuật mới. Nội dung thay đổi theo năm theo mức độ phát triển của khoa học kỹ thuật trên thế giới. Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức hiểu biết về những vấn đề mới trong điện lạnh, trong hệ thống điều khiển nhằm kịp thời đáp ứng cho nguồn nhân lực tại các khu công nghiệp của Việt Nam.

5. Hệ thống chương trình đào tạo theo

module, tín chỉ giúp cho nhà tuyển dụng và người học có nội dung chương trình mà họ cần.

6. Gắn kết nhu cầu dạy nghề với doanh nghiệp.

7. Đẩy mạnh tập trung vào các kỹ năng kinh doanh, kỹ thuật của chương trình đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho người học bằng cách rà soát lại nhu cầu cần có của các chương trình học mới cho từng ngành kinh tế để xác định nhu cầu cần có, để đạt những kỹ năng cơ bản nhất để có việc làm.

+ Phát triển nguồn nhân lực:

1. Xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực và trình độ cao, đảm bảo đáp ứng được 70% nhu cầu giảng dạy các môn chuyên ngành trong Trường, Khoa, Ngành. Giảm dần số lượng giảng viên thỉnh giảng.

2. Tạo điều kiện tối đa để giúp cho đội ngũ giảng viên hiện có nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng được tiêu chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào tạo về chất lượng giảng dạy của giảng viên.

3. Kien toàn bộ máy tổ chức quản lý giáo dục của Trường, Khoa, Ngành, đưa các hoạt động này vào nề nếp và đạt chuẩn ISO, nhằm từng bước nâng dần công tác này, dần đạt đến chuẩn chất lượng cao.

4. Hoàn thiện các qui trình và cách thức tuyển sinh để nhằm tuyển được sinh viên đầu vào đồng đều và có chất lượng cao.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất:

1. Tiếp tục khai thác có hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất, phòng thực hành và thí nghiệm.

2. Tiếp tục trang bị các trang thiết bị mới cho phòng thực hành và thí nghiệm để theo kịp sự phát triển khoa học kỹ thuật của ngành.

3. Tăng diện tích đất sử dụng cho đào tạo của Trường, Khoa, trong đó diện tích các phòng thực hành và thí nghiệm phải được tăng lên gấp đôi để có thể đáp ứng đủ số lượng sinh viên thực tập và nghiên cứu khoa học.

## VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Khánh Bằng. Nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học ở đại học cho phù hợp với những yêu cầu mới của đất nước và thời đại. Vụ Đại học – Trường CBQL Giáo dục và đào tạo (1997).

2. Nguyễn Thị Kim Dung. Đánh giá chương trình học và một số đề nghị cho việc chuẩn bị kiểm định chương trình ở các trường đại học Việt Nam. Báo cáo tham luận tại Hội thảo “Xây dựng chương trình đào tạo đại học Việt Nam”. Tại Tp Hồ Chí Minh (2003).

3. Trần Khánh Đức. Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực. Nhà xuất bản giáo dục (2002).

4. Đỗ Huy Thịnh. Xây dựng chương trình đào tạo nhằm thúc đẩy tinh thần tự học của sinh viên. Báo cáo tham luận tại hội thảo “Xây dựng chương trình đào tạo đại học” tại thành phố Hồ Chí Minh (2003).

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tài liệu xây dựng bộ chương trình khung và phương thức quản lý nhà nước đối với các chương trình đào tạo đại học và Cao đẳng (2001).

6. Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Hội thảo chuyên đề: Phát triển chương trình đào tạo với cấu trúc Modul. Đồng Nai (2001).

7. Nguyễn Minh Khoa. Đánh giá và Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo ngành Điện - Lạnh của Trường Đại học dân lập Văn Lang. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành giáo dục học, trường ĐH Sư phạm Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh, (2006).